

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HNGĐ – ST

Ngày: 04 tháng 01 năm 2019.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và bà Nguyễn Thị Hồng Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Đinh X Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 217/2018/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2018/QĐST – HNGĐ ngày 18/12/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Trần Thị X**, sinh ngày 13/02/1983;

Địa chỉ: Khu 9, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt);

Bị đơn: **Anh Phùng Văn L**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu 9, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2018 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn chị Trần Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phùng Văn L trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 11/9/2002, anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, anh L không tu chí làm ăn, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình, khu dân cư hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Hai bên đã ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình trầm trọng nên chị X đề nghị Tòa án nhân dân huyện T cho chị xin ly hôn anh L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị có 03 (ba) con chung là cháu Phùng Thị P, sinh ngày 16/8/2003, cháu Phùng Thị H, sinh ngày 22/7/2007 và cháu Phùng Ngọc N, sinh ngày 14/12/2011. Hiện các cháu đang ở cùng chị, khi ly hôn chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn, anh Phùng Văn L: Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh L đều vắng mặt. Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tại biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, ông Phùng Đức Ng là bố đẻ của anh L cho biết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh L đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Trong cuộc sống vợ chồng anh, chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do con trai ông không chịu tu chí làm ăn, anh L hay đánh, chửi chị X. Vì hai bên chung sống không có hạnh phúc nên chị X xin ly hôn, gia đình đồng ý.

Về con chung: Ông Ng xác nhận vợ chồng chị X, anh L có con chung như chị X trình bày là đúng. Hiện các cháu đang ở cùng với chị X. Khi ly hôn, đề nghị Tòa án giao các cháu cho chị X nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về tài sản, công nợ của vợ chồng chị X anh L: Vợ chồng chị X, anh L có một số tài sản chung. Tuy nhiên, khi anh, chị ly hôn, chị X có toàn quyền quyết định về việc đề nghị Tòa án giải quyết hay không giải quyết đối với số tài sản này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Nguyên đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật;

Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chị X và anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh L là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X.

Về con chung: đề nghị áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, giao các con chung cho chị X được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì chị X không yêu cầu.

Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Về án phí dân sự, chị X phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị X có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cho chị xin ly hôn với anh Phùng Văn L. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định cho anh L, tuy nhiên, anh L cố ý vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Về sự vắng mặt của anh L tại phiên tòa: Anh L đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày hôm nay, anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt anh L là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ngày 11/9/2002, chị X và anh L đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân chính là do anh L không tu chí làm ăn, ham chơi, vợ chồng nhiều lần xảy ra xô sát.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương nơi đương sự cư trú và người thân thích của các đương sự thì thấy rằng: Trong cuộc sống, chị X và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh L hiện đang làm thuê ở địa phương khác, thường xuyên vắng nhà, thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con. Anh, chị đã được gia đình, khu dân cư khuyên bảo, hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa hai bên không thể hàn gắn.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X đối với anh L là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 03 (ba) con chung là cháu Phùng Thị P, sinh ngày 16/8/2003, cháu Phùng Thị H, sinh ngày 22/7/2007 và cháu Phùng Ngọc N, sinh ngày 14/12/2011. Khi ly hôn, chị X xin được nuôi con và không yêu cầu anh L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cùng chị. Đối với yêu cầu này của chị X, Hội đồng xét xử thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của đại diện Chính quyền, Hội liên hiệp phụ nữ, Cán bộ dân số và kế hoạch hóa gia đình, Cán bộ Tư pháp tại địa phương và ý kiến của bố đẻ anh L, các ý kiến đều thống nhất giao các con chung của anh, chị cho chị X được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Bên cạnh đó, hiện các cháu đang sống ổn định cùng chị X, anh L thường xuyên vắng nhà, không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại các Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai của các con chung của anh chị thì cháu Phúc, cháu Hồng, cháu Nhân đều có nguyện vọng được ở với chị X. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cháu, cần giao cho chị X là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình.

Khi chị X, anh L có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung thì anh, chị được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Tại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay chị X không đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ nêu trên. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị X là phù hợp. Khi chị X, anh L có yêu cầu giải quyết về chia tài sản

chung, tài sản riêng, công nợ, công sức của vợ chồng thì anh chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác.

[5]. Về án phí: Chị X là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị X và anh L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 273, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 và Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị X được ly hôn anh Phùng Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Phùng Thị P, sinh ngày 16/8/2003, cháu Phùng Thị H, sinh ngày 22/7/2007 và cháu Phùng Ngọc N, sinh ngày 14/12/2011 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên. Anh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vì chị X không yêu cầu.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không bên nào được cản trở.

Khi chị X, anh L có yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con thì anh, chị được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.

3. Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Khi chị X, anh L có yêu cầu giải quyết về các quan hệ nêu trên. Anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ, việc khác.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị X phải nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Xác nhận chị X đã nộp là 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2018/0000780 ngày 26/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Nay được chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phùng Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

"Trong tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã N, huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai